

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin từ Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu (EuroCham) công bố chỉ số môi trường kinh doanh tại Việt Nam đạt 57.5 điểm trong quý 3 (tăng mạnh so với mức 23 điểm của quý 2).

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK châu Á.

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

VJC, MSR

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục trải lệnh chốt lời theo kỳ vọng, đóng dần các vị thế ngắn hạn tại các vùng giá cao trong phiên.

27/11/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,010.22	+0.42
VN30	971.11	+0.72
HĐTL VN30F1M	974.50	+0.44
HNXIndex	148.17	-0.15
HNX30	268.21	-0.34
UPCoM	66.79	+0.44
USD/VND	23,161	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.43	+4
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+5
Dầu (WTI, \$)	44.91	-1.75
Vàng (LME, \$)	1,809.43	-0.35



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,010.22 (+0.42%)
KLGD (triệu CP) 446.4 (+10.6%)
GTGD (triệu US\$) 426.1 (-4.1%)

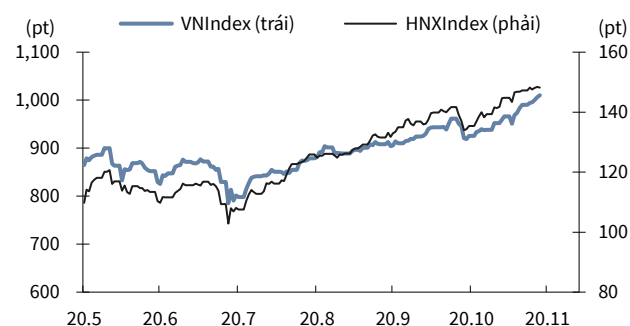
HNXIndex 148.17 (-0.15%)
KLGD (triệu CP) 51.0 (-18.1%)
GTGD (triệu US\$) 32.0 (-34.3%)

UPCoM 66.79 (+0.44%)
KLGD (triệu CP) 34.6 (-38.8%)
GTGD (triệu US\$) 13.4 (-23.9%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +3.6

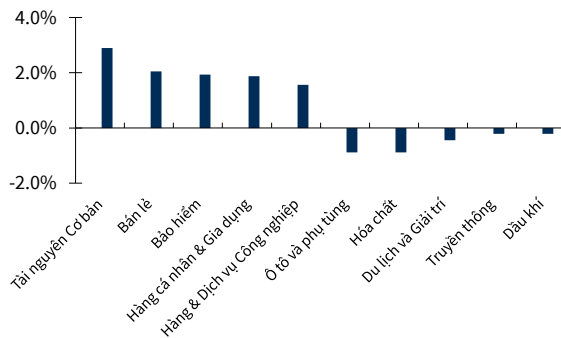
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin từ Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu (EuroCham) công bố chỉ số môi trường kinh doanh tại Việt Nam đạt 57.5 điểm trong quý 3 (tăng mạnh so với mức 23 điểm của quý 2), phản ánh tâm lý lạc quan của các doanh nghiệp Châu Âu về môi trường kinh doanh của Việt Nam. Dự báo của Bộ Xây dựng với nhu cầu tăng mạnh về nhà ở tại khu vực đô thị giai đoạn 2021 - 2030 giúp cổ phiếu ngành bất động sản tăng ở DXG (+3.6%), DIG (+3.3%). Cổ phiếu ACV (+1.2%) tăng giá sau thông tin từ Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng về việc giao doanh nghiệp này đầu tư mở rộng sân bay Điện Biên với tổng mức đầu tư 1,539 tỷ đồng. Cổ phiếu nhóm bất động sản khu công nghiệp tăng giá ở SNZ (+2.3%), NTC (+2%) trước thông tin từ Reuters cho biết Foxconn đang chuyển sản xuất iPad và MacBook sang Việt Nam theo yêu cầu của Apple để đa dạng hóa sản xuất nhằm giảm thiểu tác động của thương chiến Mỹ-Trung. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng ở FUEVFVND (+0.53%), VJC (-0.92%), VCB (+0.53%).

VNIndex & HNXIndex



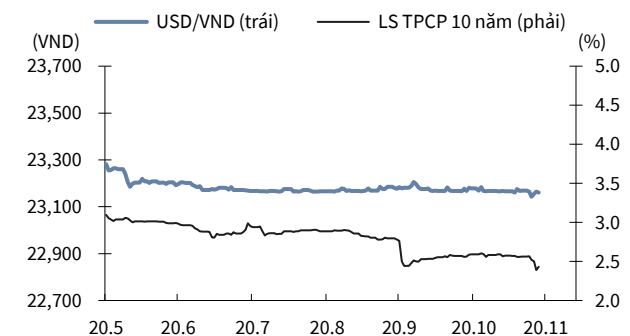
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



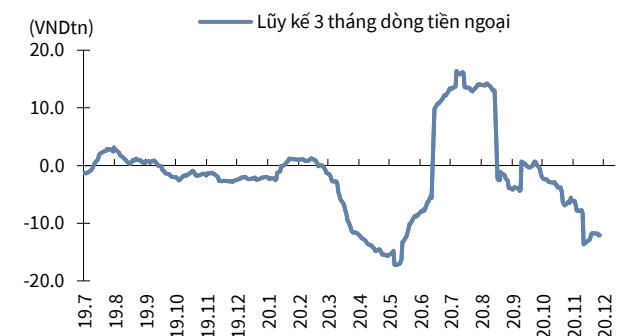
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

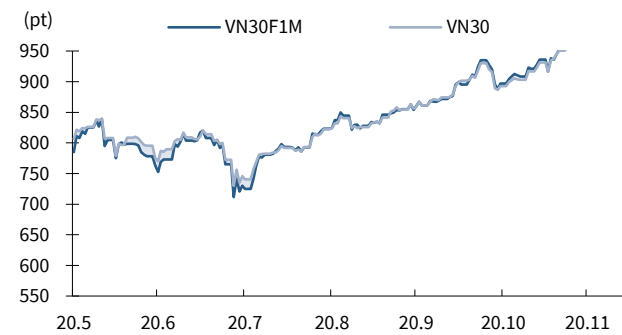
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	971.11 (+0.72%)
VN30F1M	974.5 (+0.44%)
Mở cửa	970.2
Cao nhất	975.9
Thấp nhất	967.2

HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK châu Á. Chênh lệch F2012 và Vn30 mở cửa ở 5.84, giao động quanh 3.4 và 6.7 trước khi đóng cửa ở mức 3.39. NĐTNN bán ròng nhẹ trong phiên hôm nay trong khi thanh khoản tiếp tục sụt giảm.

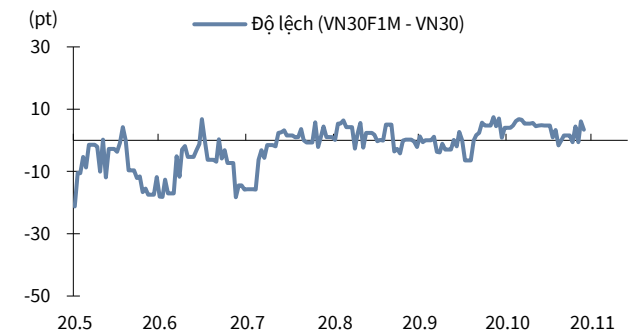
KLGD (HĐ)	91,161 (-20.3%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



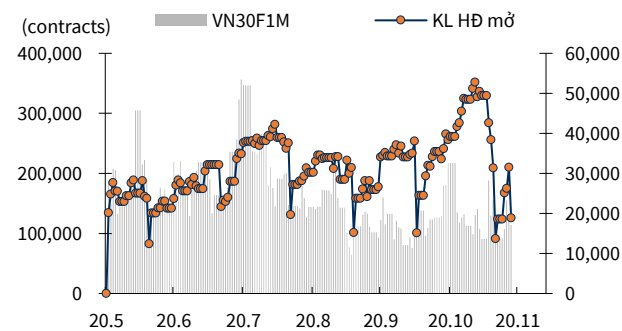
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



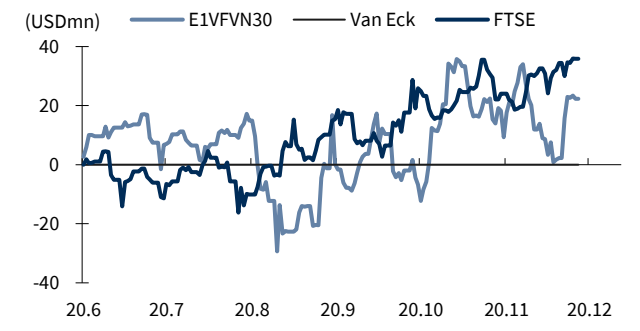
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

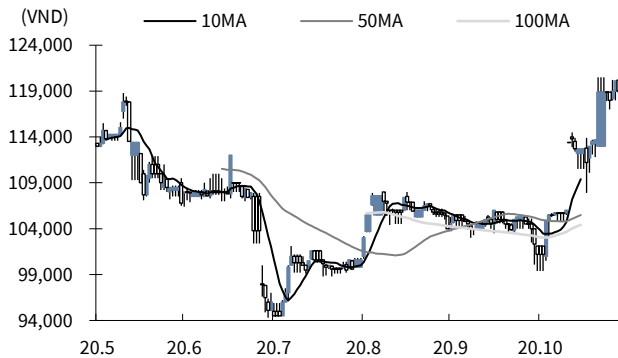
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Vietjet (VJC)

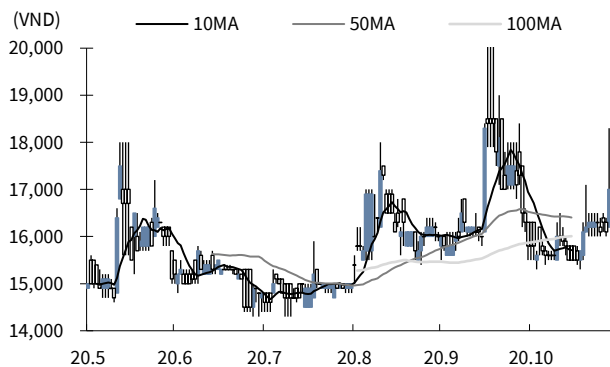


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VJC giảm -0.9% xuống 119,000 VNĐ/cp.

- Ban lãnh đạo VJC mới đây đề xuất tới Bộ Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan kiến nghị tới Chính phủ xem xét hỗ trợ nguồn tái cấp vốn cho các ngân hàng thương mại hỗ trợ hăng vay 4,000 tỷ đồng với lãi suất ưu đãi trong thời hạn 3-5 năm. Bên cạnh đó, VJC kiến nghị Chính phủ xem xét bổ sung quy định giảm 3% lãi suất cho vay trực tiếp, gián tiếp đối với các doanh nghiệp hàng không trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, đồng thời giảm thuế bảo vệ môi trường xuống mức 1.000 đồng/lít và kéo dài thời gian áp dụng đến hết năm 2021.

Masan High-Tech Materials (MSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSR tăng 4.9% lên 17,000 VNĐ/cp.

- MSR (công ty thành viên của Tập đoàn MSN) vừa công bố đã hoàn tất thỏa thuận thiết lập liên minh chiến lược với Mitsubishi Materials Corporation (MMC) với mục tiêu phát triển nền tảng vật liệu vonfram công nghệ cao. Theo đó, MMC đã mua 110 triệu cổ phần phổ thông phát hành mới của MSR theo phương thức chào bán riêng lẻ với tổng giá trị tiền mặt là 90 triệu USD.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

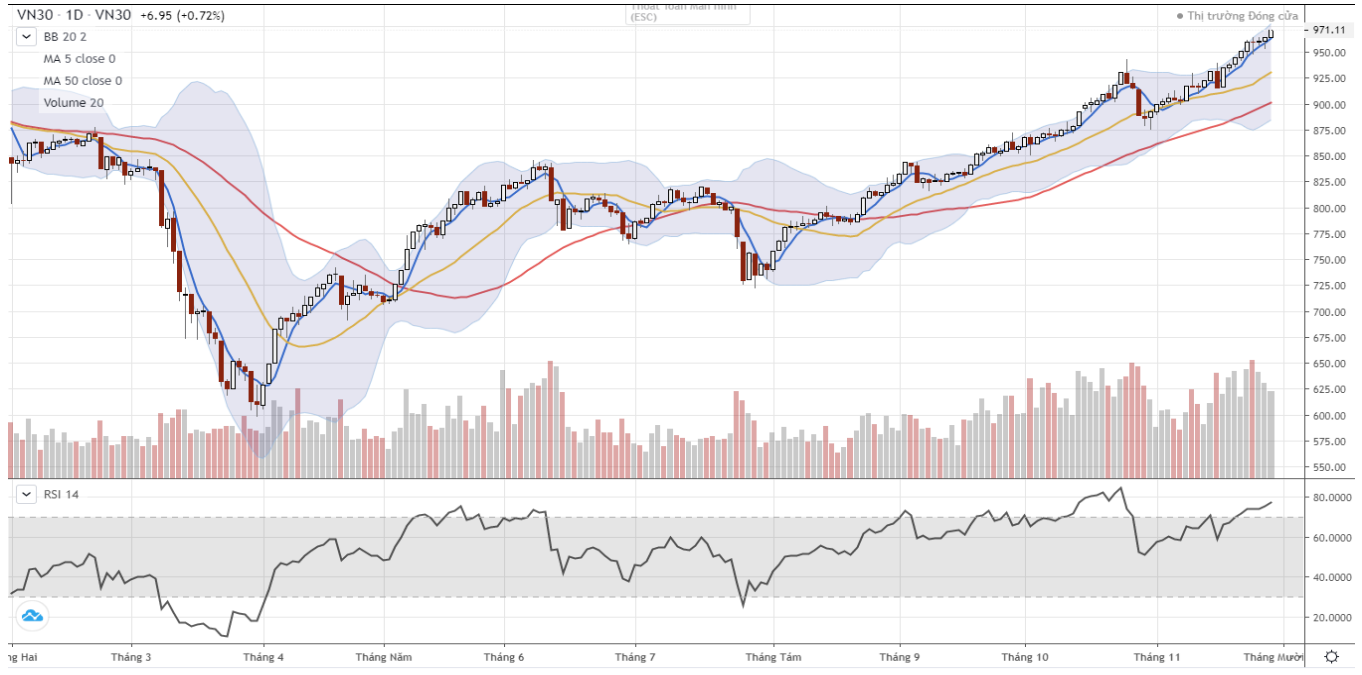
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong nửa đầu phiên giao dịch trước khi bật tăng về cuối phiên.
- Chỉ số tiếp tục để ngỏ cơ hội mở rộng nhịp tăng điểm hướng tới vùng đích kế tiếp tại quanh 1,020 nhưng chúng tôi duy trì quan điểm thận trọng với vùng điểm hiện tại và lưu ý rủi ro đảo chiều bất ngờ của chỉ số.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục trải lệnh chốt lời theo kỳ vọng, đóng dần các vị thế ngắn hạn tại các vùng giá cao trong phiên.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 981 - 985

Kháng cự gần: 977 - 979

Hỗ trợ gần: 969 - 972

Hỗ trợ xa: 962 - 964

- F1 diễn biến giằng co điều chỉnh trong phần lớn thời gian giao dịch trước khi bật tăng về cuối phiên.
- Cơ hội hướng tới vùng kháng cự quanh 980 vẫn để ngỏ nhưng chúng tôi tiếp tục lưu ý rủi ro đảo chiều đang tăng dần.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Chuyển sang ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục mở thăm dò từng phần tỷ trọng cho vị thế SHORT tại các vùng kháng cự nhưng cần đặt ngưỡng STOP chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

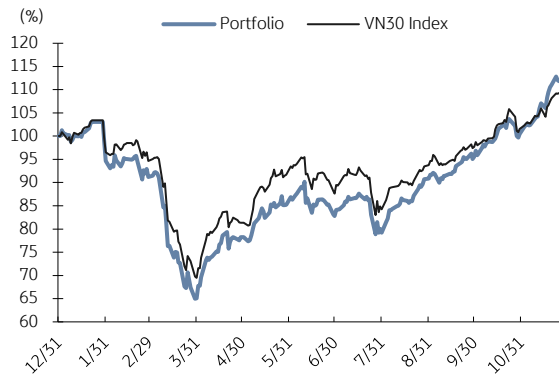
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.11%	-0.22%
Tăng lũy kế (YTD)	9.28%	11.79%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 27/11/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	112,000	0.0%	-3.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	28,350	-0.2%	15.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	76,200	0.4%	-0.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	19,450	0.5%	13.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	45,900	-0.2%	35.0%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	55,200	-0.7%	64.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	33,000	0.8%	35.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	82,700	0.2%	12.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	35,600	-5.1%	82.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	15,200	2.0%	10.9%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	0.5%	99.9%	229.4
VJC	-0.9%	18.3%	27.8
VCB	0.5%	23.7%	26.9
HPG	3.3%	33.5%	21.6
HDB	-15.9%	18.0%	18.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.1%	58.0%	-86.6
VRE	-0.5%	30.6%	-38.6
MBB	2.6%	23.0%	-35.5
LPB	0.0%	4.8%	-26.3
VIC	-0.9%	13.9%	-26.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SZB	0.0%	0.5%	13.7
PVS	-0.7%	10.5%	1.6
VCS	1.0%	2.9%	1.0
SD9	3.1%	3.8%	0.4
SED	0.0%	14.6%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SZB	0.0%	0.5%	13.7
PVS	-0.7%	10.5%	1.6
VCS	1.0%	2.9%	1.0
SD9	3.1%	3.8%	0.4
SED	0.0%	14.6%	0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.5%	PNJ, TCM
Bán lẻ	4.3%	MWG, DGW
Dịch vụ tài chính	3.7%	SSI, HCM
Bất động sản	2.8%	VHM, BCM
Ngân hàng	2.6%	VCB, BID

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-1.6%	YEG, PNC
Bảo hiểm	-1.2%	BVH, BIC
Du lịch và Giải trí	-0.5%	HVN, SKG
Hóa chất	0.0%	DGC, PHR
Ô tô và phụ tùng	0.0%	SVC, HHS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	23.2%	GVR, PHR
Tài nguyên Cơ bản	20.1%	HPG, POM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.7%	GAS, POW
Hàng cá nhân & Gia dụng	13.0%	PNJ, TCM
Dịch vụ tài chính	12.9%	SSI, HCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-1.8%	YEG, PNC
Thực phẩm và đồ uống	3.6%	MSN, DAT
Bất động sản	4.4%	VIC, NVL
Y tế	4.4%	DBD, DBT
Dầu khí	5.9%	PVD, PLX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDm)	GTGD (VNĐtriệu, USDm)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	105,200	355,832 (15,363)	90,146 (3.9)	22.8	57.2	42.3	19.5	6.7	8.7	4.1	3.7	-0.8	1.3	-0.5	-8.5
	VHM	VINHOMES JSC	83,000	273,030 (11,788)	214,295 (9.3)	27.1	10.3	8.8	35.1	38.2	31.8	3.2	2.4	0.4	5.7	7.0	-2.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,750	63,057 (2,723)	141,558 (6.1)	18.4	26.6	19.7	-2.7	8.3	11.5	2.2	2.0	-0.5	0.4	2.8	-18.4
	NVL	NO VA LAND INVES	60,900	60,053 (2,593)	83,736 (3.6)	32.9	15.8	15.2	3.5	15.8	13.9	2.4	-	-0.2	-1.1	-1.9	2.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	26,400	14,752 (637)	44,734 (1.9)	10.0	13.7	11.4	14.3	14.1	15.6	1.8	1.6	0.6	-0.2	8.6	3.0
	DXG	DAT XANH GROUP	14,200	7,360 (318)	84,635 (3.7)	12.6	17.9	7.1	-55.3	3.1	14.0	1.0	0.9	3.6	-0.4	21.4	-2.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	94,500	350,489 (15,133)	77,190 (3.3)	6.3	21.6	18.4	10.4	19.4	19.0	3.6	3.0	0.5	2.2	9.9	4.8
	BID	BANK FOR INVESTM	42,450	170,735 (7,372)	71,425 (3.1)	12.7	26.8	18.7	-3.9	9.1	11.5	2.1	1.9	-0.4	3.0	4.3	-8.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	23,700	82,953 (3,582)	459,029 (19.8)	0.0	7.8	6.7	5.4	16.0	15.9	1.1	1.0	0.4	1.3	1.7	0.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	34,050	126,782 (5,474)	266,551 (11.5)	1.0	14.5	10.9	28.9	12.4	14.6	1.6	1.4	0.0	2.6	10.7	62.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	27,000	65,819 (2,842)	160,762 (6.9)	0.5	7.9	6.8	5.3	17.9	16.9	1.3	1.1	-0.7	5.9	10.9	35.0
	MBB	MILITARY COMMERC	20,000	55,463 (2,395)	166,902 (7.2)	0.0	7.1	6.1	10.2	18.5	17.7	1.2	1.0	2.6	3.6	11.7	10.6
	HDB	HDBANK	21,450	34,186 (1,476)	100,444 (4.3)	3.5	7.7	6.5	26.5	19.2	18.7	1.3	1.1	6.8	5.5	10.9	28.5
	STB	SACOMBANK	14,500	26,153 (1,129)	175,026 (7.6)	14.5	15.0	11.7	11.5	7.2	8.4	0.9	0.9	0.0	2.5	9.0	44.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	25,500	20,823 (899)	48,162 (2.1)	0.0	6.4	5.8	34.7	22.3	20.1	1.3	1.1	2.8	3.4	7.4	21.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,100	21,023 (908)	5,299 (0.2)	0.0	24.7	28.1	13.6	5.3	4.4	1.3	1.2	-0.9	-0.9	-1.2	-3.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	55,800	41,422 (1,788)	48,199 (2.1)	20.4	32.6	26.5	4.6	6.6	8.2	2.1	2.0	2.2	-1.8	5.3	-18.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	30,750	2,809 (121)	11,348 (0.5)	14.5	-	-	-	8.2	9.1	1.2	1.2	0.8	6.8	12.8	24.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	19,350	11,628 (502)	98,303 (4.2)	51.6	13.1	12.0	-15.9	9.2	9.7	-	-	1.0	6.3	12.5	24.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	42,700	7,071 (305)	40,160 (1.7)	73.8	-	-	-	-	-	-	-	2.4	4.9	23.2	44.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	24,600	7,504 (324)	65,858 (2.8)	51.4	-	-	-	-	-	-	-	1.7	5.1	14.4	15.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	18,200	3,795 (164)	30,953 (1.3)	16.0	-	-	-	-	-	-	-	4.3	6.4	18.6	26.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,800	229,443 (9,906)	212,610 (9.2)	42.0	22.0	20.2	7.1	38.3	39.1	7.8	7.1	-0.1	-1.0	0.2	13.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	193,500	124,088 (5,358)	21,675 (0.9)	36.9	29.1	24.1	2.8	22.2	24.7	6.0	5.4	-0.8	0.8	4.5	-15.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	83,700	98,321 (4,245)	175,374 (7.6)	15.3	106.4	39.3	-58.2	2.4	6.7	3.0	3.0	0.0	2.1	-4.8	48.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,550	16,129 (696)	28,513 (1.2)	48.9	-	-	-	-	-	-	-	2.1	23.8	24.4	4.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	119,000	62,337 (2,691)	64,714 (2.8)	11.8	-	20.6	-91.0	0.0	19.7	4.3	3.8	-0.9	0.1	13.9	-18.6
	GMD	GEMADEPT CORP	28,000	8,314 (359)	33,138 (1.4)	0.0	20.7	18.4	-53.3	6.8	7.4	1.4	1.4	2.2	4.1	20.2	20.2
	CII	HO CHI MINH CITY	17,400	4,156 (179)	25,404 (1.1)	40.2	9.2	8.6	135.9	9.1	8.9	0.8	0.7	0.0	2.4	4.2	-22.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,190	1,243 (054)	9,627 (0.4)	47.3	-	-	-	-	-	-	-	0.5	-0.9	-1.8	-87.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,950	9,846 (425)	190,102 (8.2)	35.6	25.7	11.0	-20.9	10.5	13.6	-	-	0.7	-3.5	4.8	8.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	63,700	4,860 (210)	54,063 (2.3)	3.0	7.9	9.1	-33.8	7.4	6.5	0.6	0.6	-0.5	4.1	14.2	24.2
	REE	REE	47,600	14,758 (637)	19,125 (0.8)	0.0	9.6	8.7	-9.0	13.6	13.8	1.3	1.2	2.6	7.0	13.6	31.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	83,500	159,815 (6,900)	94,433 (4.1)	46.0	19.8	16.8	-14.2	17.0	18.4	3.2	3.1	0.2	2.1	16.0	-10.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,700	6,535 (282)	3,642 (0.2)	29.6	10.1	9.6	-7.3	15.5	16.5	1.6	1.5	-1.1	-1.3	2.3	4.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,350	7,486 (323)	3,442 (0.1)	33.7	8.9	8.6	-13.6	14.4	14.6	1.2	1.2	0.0	1.1	2.0	-13.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	36,250	120,106 (5,186)	724,037 (31.3)	15.6	10.7	8.9	15.0	20.9	20.5	2.1	1.8	3.3	1.5	15.4	85.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (294)	47,898 (2.1)	36.3	10.0	10.5	7.1	9.6	8.7	0.8	0.8	0.6	1.2	3.6	34.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,150	6,432 (278)	42,247 (1.8)	45.5	10.7	20.1	1.0	10.3	5.7	1.0	1.0	-0.4	-0.8	-0.8	86.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,550	8,242 (356)	218,637 (9.4)	37.6	8.0	6.6	71.2	13.4	14.4	1.1	0.9	0.3	0.8	20.8	149.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,250	2,717 (117)	19,170 (0.8)	97.8	6.6	7.4	39.3	13.3	10.5	0.7	0.6	0.4	-0.4	8.9	1.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	51,300	62,525 (2,700)	29,267 (1.3)	4.2	55.0	17.5	-42.9	5.0	15.1	2.6	2.3	-0.2	1.4	3.8	-8.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	13,200	5,559 (240)	85,931 (3.7)	40.2	50.7	51.8	-14.7	0.8	1.0	0.4	0.4	-0.4	4.3	22.2	-12.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	12,850	4,159 (180)	36,821 (1.6)	32.1	8.7	8.0	-11.1	10.5	10.6	0.8	0.8	-1.2	-2.1	12.0	-12.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	115,500	52,276 (2,257)	117,072 (5.1)	0.0	13.9	10.2	11.5	27.0	28.9	3.4	2.7	2.4	4.2	5.0	1.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	78,800	17,740 (766)	88,270 (3.8)	0.0	19.1	15.8	1.3	21.0	23.5	3.6	3.2	3.4	7.1	13.5	-8.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,100	1,379 (060)	1,638 (0.1)	70.0	18.5	13.5	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	0.0	-1.8	-1.6	19.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	22,200	1,753 (076)	9,528 (0.4)	14.2	14.8	10.5	-48.5	6.8	12.1	1.2	1.0	0.0	-2.2	0.5	5.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	63,500	8,604 (371)	68,498 (3.0)	36.3	8.7	8.0	25.2	36.4	31.8	2.9	2.5	1.4	-1.7	13.4	66.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,400	13,519 (584)	488 (0.0)	45.2	18.7	17.7	13.6	21.4	20.3	3.5	3.3	0.0	0.8	0.8	13.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	74,300	5,573 (241)	1,311 (0.1)	29.9	15.8	-	7.3	16.4	-	2.6	-	-0.9	0.8	5.8	36.8
IT	FPT	FPT CORP	56,200	44,055 (1,902)	114,272 (4.9)	0.0	12.8	11.2	19.1	22.7	23.5	2.6	2.3	0.9	1.8	7.9	10.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.